

phương tiện; thời gian bắt đầu làm việc của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Đề xuất và tổ chức thực hiện các chính sách, biện pháp nhằm hạn chế phương tiện giao thông cá nhân áp dụng đối với thành phố, thị xã của địa phương.

6. Quy hoạch và chỉ đạo thực hiện quy hoạch xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; quản lý hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe.

7. Quản lý vận tải đường bộ theo phân cấp và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải.

8. Đề xuất chính sách ưu tiên phát triển vận tải khách công cộng; tổ chức quản lý vận tải khách công cộng trong đô thị;

9. Tổ chức các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích vận tải khách công cộng bằng xe buýt; quy định các cơ quan, doanh nghiệp có số lượng lớn cán bộ, công nhân viên mà không có tuyến xe buýt chạy qua phải tổ chức xe đưa đón cán bộ, công nhân viên.

#### Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 30. Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bãi bỏ Nghị định số 36/2001/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2001 của Chính phủ về việc bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

#### Điều 31. Trách nhiệm thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHÁI

## NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 15/2003/NĐ-CP ngày 19/02/2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ.

### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 01 năm 1989 và Pháp lệnh sửa đổi Điều 6 Pháp lệnh Lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam ngày 06 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về các giải pháp kiểm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông;

Căn cứ Nghị định số 14/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Công an,

### NGHỊ ĐỊNH:

#### Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Nghị định này quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông đường bộ, các điều kiện bảo đảm an toàn giao thông của kết cấu hạ tầng giao

thông đường bộ, phương tiện và người tham gia giao thông đường bộ, hoạt động vận tải đường bộ và các hành vi vi phạm khác về giao thông đường bộ.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng.**

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường bộ bị xử phạt hành chính theo quy định của Nghị định này

2. Cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về giao thông đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam bị xử phạt theo Nghị định này, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập có quy định khác thì thực hiện theo Điều ước quốc tế đó.

## **Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khác.**

1. Mọi vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải thực hiện theo đúng quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, các quy định của Nghị định này và phải được tiến hành nhanh chóng, công minh triệt để. Mọi hậu quả do hành vi vi phạm gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt hành chính khi có vi phạm hành chính được quy định tại Nghị định này.

3. Việc xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải do người có thẩm quyền được quy định tại các Điều 41, 42, 43 và 44 của Nghị định này tiến hành.

4. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nếu hình thức xử phạt là phạt tiền thì được cộng lại thành mức phạt chung và chỉ ra một quyết định xử phạt.

Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

5. Khi quyết định xử phạt vi phạm hành chính

phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân của người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, căn cứ hành vi vi phạm, hình thức và mức phạt đối với hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định này để quyết định hình thức, biện pháp xử lý thích hợp.

6. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

7. Việc “đánh dấu số lần vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ trên Giấy phép lái xe” là biện pháp được quy định tại Nghị quyết số 13/2002/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ về các giải pháp kiểm chế gia tăng và tiến tới giảm dần tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông nhằm quản lý người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: nếu Giấy phép lái xe bị đánh dấu 3 lần vi phạm thì hết giá trị sử dụng, nếu bị đánh dấu 2 lần thì phải thi lại Luật Giao thông đường bộ khi đổi Giấy phép lái xe. Sau đây biện pháp này gọi tắt là: đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

## **Điều 4. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.**

1. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền thì thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể

2. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây.

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm

quyền của người xử phạt thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

c) Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

#### **Điều 5. Mức phạt tiền.**

Khi áp dụng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống thấp hơn mức trung bình nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn mức trung bình nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

#### **Điều 6. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.**

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ là một năm, kể từ ngày hành vi vi phạm hành chính được thực hiện. Nếu quá thời hạn nêu trên thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trong thời hạn một năm, cá nhân, tổ chức lại thực hiện hành vi vi phạm hành chính mới về giao thông đường bộ hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì không áp dụng thời hiệu quy định tại khoản 1 Điều này. Thời hạn xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của người có thẩm quyền xử phạt.**

Người có thẩm quyền xử phạt hành chính phải xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm, đúng thẩm quyền, đúng pháp luật; nếu lạm dụng quyền hạn dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá quyền hạn quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại

vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm.**

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định về giao thông đường bộ phải tuân thủ quyết định xử phạt của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm các quy định về giao thông đường bộ mà có hành vi ngăn cản, chống đối người thi hành công vụ hoặc dùng thủ đoạn gian dối, hối lộ để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát hoặc xử lý vi phạm của người thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

### *Chương II*

#### **XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY TẮC GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 9. Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe có kết cấu tương tự vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.**

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng đối với người điều khiển xe, người ngồi hàng ghế phía trước trong xe ô tô có trang bị dây an toàn mà không thắt dây an toàn khi xe đang chạy.

2. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định ở điểm d, điểm đ, điểm m khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b, điểm c khoản 5 Điều này thì bị xử phạt theo các điểm, khoản đó;

c) Khi chuyển hướng không nhường đường cho



người đi bộ tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường hoặc người điều khiển xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho họ;

d) Lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

đ) Dừng đèn chiếu xa khi tránh nhau về ban đêm;

e) Không dừng xe, đỗ xe sát mép đường nơi có lề đường hẹp.

3. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 120.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, của người kiểm soát giao thông;

b) Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

c) Không có báo hiệu trước khi vượt; chuyển hướng đột ngột ngay trước đầu xe khác;

d) Quay đầu xe ở phần đường dành cho người đi bộ qua đường, trên cầu, đầu cầu, gầm cầu vượt, đường ngầm, đường hẹp, đoạn đường cong tầm nhìn bị che khuất;

đ) Lùi xe ở đường một chiều, ở khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao cắt đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất, nơi cấm quay đầu xe;

e) Tránh xe không đúng quy định; không nhường đường theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

g) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn đường đã có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị trái quy định; dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện; dừng xe, đỗ xe trên cầu; đỗ xe trên đường dốc không chèn bánh; hoặc các hành vi dừng xe, đỗ xe khác không đúng quy định;

h) Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định;

i) Rời vị trí lái khi dừng xe; mở cửa xe, để cửa xe mở không bảo đảm an toàn;

k) Không có báo hiệu trước khi dừng xe, đỗ xe;

l) Không gắn biển báo hiệu ở phía trước xe kéo hoặc phía sau xe được kéo; không nối chắc chắn, an toàn giữa xe kéo và xe được kéo khi kéo nhau;

m) Đi vào đường cấm, khu vực cấm, đi ngược chiều của đường một chiều trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

n) Bấm còi, rú ga liên tục; bấm còi hoặc gây ồn ào, tiếng động lớn làm ảnh hưởng đến sự yên tĩnh trong đô thị và khu đông dân cư khi xếp dỡ hàng trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ ngày hôm sau; bấm còi hơi, sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

o) Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc nơi ùn tắc giao thông;

p) Không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước theo quy định khi xe chạy trên đường cao tốc;

q) Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ, đường nhánh ra đường chính hoặc ngược lại;

r) Xe kéo rơ moóc không có biển báo hiệu theo quy định hoặc có tổng trọng lượng nhỏ hơn tổng trọng lượng của rơ moóc khi hệ thống hãm không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.

4. Phạt tiền từ 140.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép;

b) Vượt tại nơi cấm vượt;

c) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

d) Để người ngồi trên buồng lái quá số lượng quy định;



đ) Không sử dụng đủ đèn chiếu sáng về ban đêm.

5. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên;

b) Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc; không tuân thủ quy định về tốc độ tối đa, tốc độ tối thiểu khi chạy trên đường cao tốc; dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc;

c) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đủ đèn chiếu sáng; lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định;

d) Chở người trên xe được kéo, trừ người điều khiển;

đ) Xe ô tô kéo theo từ hai xe ô tô khác trở lên; xe ô tô đẩy xe khác; xe ô tô kéo xe thô sơ, mô tô, xe gắn máy hoặc kéo lê vật trên đường; xe kéo rơ moóc, sơ mi rơ moóc kéo theo rơ moóc hoặc xe khác;

e) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe ô tô bị hư hỏng trên đoạn đường bộ giao cắt đường sắt;

g) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên; xe được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên không đúng quy định;

h) Không chấp hành yêu cầu của người kiểm soát giao thông kiểm tra nồng độ cồn của rượu, bia hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm;

i) Quay đầu xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt;

k) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt.

6. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chạy quá tốc độ quy định đến 20%;

b) Dừng xe, đỗ xe trái quy định gây ùn tắc giao thông;

c) Dừng xe, đỗ xe, mở cửa xe không bảo đảm an toàn gây tai nạn nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chạy quá tốc độ quy định trên 20%;

b) Sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn quá quy định hoặc sử dụng chất kích thích khác mà pháp luật cấm;

c) Khi xảy ra tai nạn giao thông, người điều khiển phương tiện liên quan không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường; bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

d) Chạy quá tốc độ quy định, vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi lạng lách, đánh võng hoặc đuổi nhau trên đường bộ trong hoặc ngoài đô thị.

9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 8 Điều này mà gây tai nạn hoặc không chấp hành lệnh dừng xe của người thi hành công vụ hoặc chống đối người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe vi phạm còn buộc phải áp dụng các biện pháp bổ sung và biện pháp khác sau đây:

a) Bị tịch thu còi, cờ, đèn trái quy định nếu vi phạm điểm g khoản 5 Điều này; vi phạm khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe;

b) Bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 90 (chín mươi) ngày và bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe nếu vi phạm khoản 7 Điều này;



c) Bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 180 (một trăm tám mươi) ngày và bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe nếu vi phạm khoản 8 Điều này;

d) Vi phạm khoản 9 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe không thời hạn.

**Điều 10.** Xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe có kết cấu tương tự vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy không đội mũ bảo hiểm trên đường quy định phải đội mũ bảo hiểm.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 60.000 đồng đối với người điều khiển vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không điều khiển xe đi bên phải theo chiều đi của mình; không đi đúng phần đường, làn đường quy định hoặc điều khiển xe đi trên vỉa hè;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định ở điểm b khoản 3, điểm c khoản 4 Điều này thì bị xử phạt theo các điểm, khoản đó;

c) Không báo hiệu trước khi xin vượt; vượt ở nơi cấm vượt; vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

d) Khi chuyển hướng không nhường đường cho người đi bộ tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường hoặc cho người điều khiển xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho họ;

đ) Lùi xe mô tô ba bánh không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

e) Không sử dụng đèn chiếu sáng về ban đêm hoặc dùng đèn chiếu xa khi tránh nhau về ban đêm;

g) Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định;

h) Quay đầu xe tại nơi cấm quay đầu;

i) Người đang điều khiển xe sử dụng ô, điện thoại di động; người ngồi trên xe sử dụng ô;

k) Tụ tập từ 3 xe trở lên ở lòng đường, trên cầu;

l) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường; dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; dừng xe, đỗ xe nơi có biển cấm dừng, cấm đỗ; dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện; dừng xe, đỗ xe trên cầu hoặc các hành vi dừng xe, đỗ xe khác không đúng quy định; không tuân thủ các quy định dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt;

m) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều của đường một chiều, trừ trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định;

n) Chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, áp giải người phạm tội;

o) Điều khiển xe chạy dàn hàng ngang từ 3 xe trở lên;

p) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ điều kiện an toàn; không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;

q) Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc nơi ùn tắc giao thông;

r) Không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình theo quy định khi xe chạy trên đường cao tốc.

3. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; của người kiểm soát giao thông;

b) Chuyển làn đường không đúng nơi được phép hoặc không có tín hiệu báo trước;

c) Tránh xe, vượt xe không đúng quy định. Không nhường đường theo quy định tại các nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật;

d) Bấm còi, rú ga liên tục, bấm còi trong thời



gian từ 22 giờ đến 5 giờ ngày hôm sau; sử dụng đèn chiếu xa trong đô thị, khu đông dân cư, trừ các xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ theo quy định;

đ) Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe chạy từ trong ngõ ra đường chính hoặc ngược lại;

e) Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe kéo theo xe khác hoặc vật khác hoặc đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt súc vật, mang vác, chở vật cồng kềnh; người điều khiển và người ngồi trên xe được kéo, được đẩy.

4. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xe không được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên; xe được quyền ưu tiên sử dụng tín hiệu còi, cờ, đèn của xe ưu tiên không đúng quy định;

b) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên;

c) Không tuân thủ các quy định khi vào hoặc ra đường cao tốc, không tuân thủ quy định về tốc độ tối đa, tốc độ tối thiểu khi chạy trên đường cao tốc, dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy trên đường cao tốc; quay đầu xe, lùi xe trên đường cao tốc; chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước khi chạy trên đường cao tốc;

d) Chạy trong hầm đường bộ không sử dụng đèn chiếu sáng; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ.

5. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chạy quá tốc độ quy định đến 20%;

b) Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy thành đoàn gây cản trở giao thông;

c) Không chấp hành yêu cầu của người kiểm soát giao thông kiểm tra nồng độ cồn của rượu, bia hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm.

6. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chạy quá tốc độ quy định trên 20%;

b) Sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá quy định hoặc sử dụng chất kích thích khác mà pháp luật cấm;

c) Khi xảy ra tai nạn, người điều khiển phương tiện liên quan không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;

d) Điều khiển xe vượt ngay trước đầu xe khác hoặc chuyển hướng đột ngột;

đ) Chạy quá tốc độ quy định, vượt xe hoặc chuyển làn đường trái quy định gây tai nạn, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Dùng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy;

b) Sử dụng xe mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm<sup>3</sup> trở lên trái quy định.

8. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe lạng lách hoặc đánh võng hoặc đuổi nhau trên đường bộ trong, ngoài đô thị;

b) Điều khiển xe chạy bằng một bánh đối với xe hai bánh, xe chạy bằng hai bánh đối với xe ba bánh;

c) Buông cả hai tay khi đang điều khiển xe; dùng chân điều khiển xe; ngồi về một bên điều khiển xe; nằm trên yên xe điều khiển xe; đứng trên xe điều khiển xe; thay người điều khiển khi xe đang chạy;

d) Điều khiển xe thành nhóm từ hai xe trở lên chạy quá tốc độ quy định.

9. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khoản 8 Điều này mà không chấp hành lệnh dừng xe của người thi hành công vụ hoặc chống đối người thi hành công vụ hoặc gây tai nạn nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.



10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe vi phạm còn buộc phải áp dụng các biện pháp bổ sung và biện pháp khác sau đây:

a) Tịch thu còi, cờ, đèn khi vi phạm điểm a khoản 4 Điều này.

b) Bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe khi vi phạm khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này; vi phạm điểm a, điểm b, điểm d khoản 6 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 60 (sáu mươi) ngày.

c) Bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe không thời hạn và tạm giữ xe 60 (sáu mươi) ngày nếu vi phạm khoản 8, khoản 9 Điều này; bị tịch thu xe nếu tái phạm.

**Điều 11.** Xử phạt người điều khiển xe máy chuyên dùng vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

1. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 60.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình; không đi đúng phần đường quy định;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;

c) Khi chuyển hướng không nhường đường cho người đi bộ tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ qua đường hoặc cho người điều khiển xe thô sơ đang đi trên phần đường dành cho họ;

d) Lùi xe không quan sát hoặc không có tín hiệu báo trước;

đ) Không sử dụng đèn chiếu sáng vào ban đêm hoặc dùng đèn chiếu xa khi tránh nhau vào ban đêm;

e) Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định;

g) Không dừng xe, đỗ xe sát mép đường nơi có lề đường hẹp.

2. Phạt tiền từ 60.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, của người kiểm soát giao thông;

b) Quay đầu xe không đúng nơi được phép;

c) Lùi xe ở khu vực cấm dừng hoặc ở đường ngược chiều;

d) Không tránh về bên phải theo chiều xe chạy của mình;

đ) Không nhường đường theo quy định tại nơi đường hẹp, đường dốc, nơi có chướng ngại vật khi tránh nhau;

e) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định trên đường ngoài đô thị đã có nơi đỗ xe; đỗ xe trên đường dốc không chèn bánh; dừng xe, đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông; dừng xe, đỗ xe trên đường xe điện; dừng xe, đỗ xe trên cầu; dừng xe, đỗ xe không báo hiệu trước; dừng xe, đỗ xe tại vị trí cấm dừng đỗ xe;

g) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều;

h) Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc nơi ùn tắc giao thông;

i) Không giảm tốc độ và nhường đường khi điều khiển xe từ đường nhánh ra đường chính hoặc ngược lại.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi không nhường đường hoặc gây cản trở xe ưu tiên.

4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xe chạy quá tốc độ quy định;

b) Không thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi xe máy chuyên dùng bị hư hỏng trên đoạn đường bộ giao cắt đường sắt;

c) Không chấp hành yêu cầu của người kiểm soát giao thông kiểm tra nồng độ cồn của rượu, bia hoặc các chất kích thích khác mà pháp luật cấm;

d) Chạy xe trong hầm đường bộ không sử dụng đèn sáng; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ



không đúng nơi quy định; lùi xe, quay đầu xe trong hầm đường bộ;

đ) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn quá quy định hoặc sử dụng chất kích thích khác mà pháp luật cấm;

b) Khi xảy ra tai nạn, người điều khiển phương tiện liên quan không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe vi phạm khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng bằng hoặc chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng 60 (sáu mươi) ngày.

**Điều 12.** Xử phạt người điều khiển, người ngồi trên xe đạp, người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, không đi đúng phần đường quy định;

b) Dừng xe đột ngột, chuyển hướng không báo hiệu trước;

c) Không tuân thủ quy tắc, hướng dẫn của người điều khiển giao thông khi qua phà, cầu phao hoặc khi ườn tắc giao thông;

d) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;

đ) Xe vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;

e) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị có lề đường;

g) Để xe ở lòng đường, hè phố trái quy định;

h) Xe chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phản quang; dừng xe, đỗ xe trong hầm

không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;

i) Xe đạp đi dàn hàng ngang từ ba xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

k) Người điều khiển xe đạp sử dụng ô, điện thoại di động, người ngồi trên xe đạp mang vác vật cồng kềnh, sử dụng ô;

l) Xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang;

m) Xe đạp, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;

n) Hàng xếp trên xe không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông; che khuất tầm nhìn của người điều khiển.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông; của người kiểm soát giao thông;

b) Đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông;

c) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao cắt đường sắt;

d) Đi vào đường cấm, khu vực cấm; đi ngược chiều đường của đường một chiều;

đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;

e) Người điều khiển hoặc người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác; mang vác, chở vật cồng kềnh;

g) Dùng xe đẩy làm quấy hàng lưu động trên đường trái quy định, gây cản trở giao thông;

h) Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau.

3. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:



a) Điều khiển xe đạp buông cả hai tay, rẽ đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp;

b) Gây tai nạn không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường;

c) Điều khiển xe không có đăng ký, không gắn biển số nếu địa phương có quy định phải đăng ký, gắn biển số.

4. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển xe đạp, xe thô sơ lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường;

b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, đi xe bằng hai bánh đối với xe ba bánh.

**Điều 13.** Xử phạt người đi bộ vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đi đúng phần đường quy định;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông;

b) Mang, vác vật cồng kềnh gây cản trở giao thông;

c) Trèo qua giải phân cách khi đi ngang qua đường;

d) Đu, bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

**Điều 14.** Xử phạt người điều khiển, dẫn dắt súc vật, điều khiển xe súc vật kéo vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đi đúng phần đường quy định, đi vào

đường cấm, khu vực cấm, không nhường đường theo quy định, không báo hiệu bằng tay khi chuyển hướng;

b) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của đèn tín hiệu, biển báo hiệu, vạch kẻ đường;

c) Không chấp hành hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, người kiểm soát giao thông;

d) Để súc vật đi giữa đường, để súc vật đi qua đường không bảo đảm an toàn, dắt súc vật chạy theo khi đang điều khiển hoặc ngồi trên phương tiện giao thông đường bộ;

đ) Không đủ dụng cụ đựng chất thải của súc vật hoặc không dọn sạch chất thải của súc vật thải ra đường, vỉa hè.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Điều khiển, dẫn dắt súc vật đi vào phần đường của xe cơ giới;

b) Thả rông súc vật trên đường bộ;

c) Đi dàn hàng ngang từ hai xe trở lên;

d) Để súc vật kéo xe mà không có người điều khiển;

đ) Không có báo hiệu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 80.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xếp hàng trên xe vượt quá giới hạn quy định;

b) Gây ồn ào hoặc tiếng động lớn làm ảnh hưởng đến sự yên tĩnh tại các khu dân cư khi xếp dỡ hàng trong thời gian từ 22 giờ đến 5 giờ ngày hôm sau.

**Điều 15.** Xử phạt các hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ.

1. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 40.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông sản, các vật khác trên đường bộ;

b) Đổ rác, phế thải ra đường phố không đúng nơi quy định;



c) Xây, đặt bực bệ trái phép trên hè phố hoặc lòng đường;

d) Lấn chiếm vỉa hè, đường giao thông để họp chợ, bày bán hàng;

đ) Chiếm dụng vỉa hè, lòng đường để đặt biển hiệu, buôn bán vật, mời chào hàng, sửa chữa xe đạp, làm mái che, các hoạt động dịch vụ khác gây cản trở giao thông hoặc làm mất mỹ quan đường phố;

e) Tập trung đông người trái phép; nằm, ngồi trên đường gây cản trở giao thông;

g) Đá bóng, đá cầu, chơi cầu lông hoặc các hoạt động thể thao khác trên đường giao thông.

2. Phạt tiền từ 40.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Để vật liệu, phế thải, vật chướng ngại trên đường bộ gây cản trở giao thông;

b) Để vật che khuất biển báo, đèn tín hiệu giao thông.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng đường bộ trái quy định để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội;

b) Dựng cổng chào hoặc các vật che chắn khác trong phạm vi đất dành cho đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

c) Tự ý tháo, mở nắp cống trên đường giao thông;

d) Ném gạch, đất đá hoặc bất cứ vật gì khác vào người hoặc phương tiện đang tham gia giao thông;

đ) Chiếm dụng vỉa hè, lòng đường làm nơi sửa chữa ô tô, mô tô, xe gắn máy, sửa xe, làm nơi trông giữ xe trái phép.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đặt, treo biển quảng cáo trên đất của đường bộ hoặc trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông;

b) Rải đinh hoặc vật sắc nhọn khác; chăng dây qua đường; đổ dầu nhờn trên đường bộ.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 1, khoản 2, các điểm b, điểm c, điểm đ khoản 3, khoản 4 Điều này còn buộc phải tháo dỡ công trình trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

### Chương III

#### XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 16.** Xử phạt cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng, khai thác tạm thời trên đất hành lang an toàn đường bộ vào mục đích canh tác nông nghiệp làm ảnh hưởng đến an toàn công trình và an toàn giao thông;

b) Trồng cây trong phạm vi đất của đường bộ hoặc đất hành lang an toàn đường bộ làm che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện giao thông.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở đường nhánh trái phép nối vào đường chính;

b) Dựng lều quán trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng nhà tạm, công trình tạm thời khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng nhà, công trình kiên cố khác trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ.



5. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này còn buộc phải dỡ bỏ các công trình xây dựng, di dời cây trồng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Điều 17.** Xử phạt cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định về thi công, bảo trì công trình trên đường bộ đang khai thác.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thi công công trình trên đường bộ đang khai thác không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng không thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý đường bộ trực tiếp mà đã thi công;

b) Thi công trên đường bộ không bố trí đủ biển báo hiệu, cọc tiêu di động, rào chắn theo quy định; không đặt đèn đỏ vào ban đêm tại hai đầu đoạn đường thi công; không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông suốt;

c) Không bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông khi thi công ở chỗ đường hẹp hoặc ở hai đầu cầu, cống, đường ngầm đang thi công;

d) Để vật liệu, đất đá, phương tiện thi công ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông;

đ) Thi công công trình trên đường đô thị không thực hiện theo phương án hoặc thời gian quy định;

e) Không thu dọn ngay các biển báo hiệu, rào chắn, phương tiện thi công, các vật liệu khác hoặc không hoàn trả phần đường theo nguyên trạng khi thi công xong.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi thi công trên đường bộ đang khai thác không thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông theo quy định để xảy ra tai nạn nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm các quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này buộc phải thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông

theo quy định, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra. Trường hợp không thực hiện được thì bị buộc đình chỉ thi công.

**Điều 18.** Xử phạt cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm về xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, nơi đỗ xe.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng bến xe, bãi đỗ xe không theo đúng quy mô thiết kế đã được duyệt.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng hoặc thành lập bến xe, bãi đỗ xe không theo quy hoạch đã được phê duyệt.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm các quy định tại các khoản 1, khoản 2 Điều này còn buộc phải tháo dỡ công trình trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

**Điều 19.** Xử phạt cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chắn dất súc vật ở mái đường; buộc súc vật vào hàng cây hai bên đường hoặc vào cọc tiêu, biển báo, rào chắn, các công trình phụ trợ của giao thông đường bộ;

b) Tự ý leo trèo lên mố, trụ, dầm cầu.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 60.000 đồng đối với hành vi be bờ, tát nước qua mặt đường giao thông.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường bộ;

b) Tự ý tháo dỡ, di chuyển hoặc làm sai lệch biển báo hiệu, đèn tín hiệu giao thông, rào chắn, cọc tiêu, cột cây số, vạch kẻ đường, mốc chỉ giới, cấu kiện, phụ kiện của công trình đường bộ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.



4. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi tự ý đốt lửa trên cầu, dưới gầm cầu; neo đậu tàu thuyền trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ.

5. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi di chuyển chậm trễ các công trình, nhà, lều quán hoặc cố tình trì hoãn việc di chuyển gây cản trở cho việc giải phóng mặt bằng để xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo vệ công trình đường bộ khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Khoan, đào, xẻ đường trái phép;
  - b) Tự ý phá dải phân cách nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - c) Nổ mìn hoặc khai thác cát, đá, sỏi trái phép làm ảnh hưởng đến công trình đường bộ.
7. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, các điểm a, điểm b khoản 6 Điều này còn buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.

#### Chương IV

### XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 20.** Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe có kết cấu tương tự vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe ô tô không có kính chắn gió; kính chắn gió, kính cửa không phải là loại kính an toàn.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có đủ đèn chiếu sáng, đèn soi biển số,

đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, đồng hồ báo tốc độ của xe hoặc có những thứ đó nhưng không có tác dụng hoặc lắp thêm đèn chiếu sáng xa phía sau xe;

- b) Không có còi hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn về âm lượng;

- c) Không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

- d) Không gắn đủ biển số hoặc không kê số theo quy định, gắn biển số không đúng vị trí; biển số mờ, biển số bị bể cong, biển số bị che lấp, biển số hỏng;

- đ) Tự ý lắp kính mờ hoặc dán giấy bóng mờ.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

- a) Không đủ hệ thống hãm hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;

- b) Hệ thống chuyển hướng không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;

- c) Sử dụng bánh lốp không đúng kích cỡ hoặc không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có Giấy đăng ký xe theo quy định;

- b) Sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung hoặc số máy; Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- c) Biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp; biển số không đúng với Giấy đăng ký xe;

- d) Không chuyển quyền sở hữu phương tiện theo quy định;

- đ) Không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc có nhưng đã hết hạn hoặc có nhưng không do cơ quan có thẩm quyền cấp (kể cả rơi moóc và sơ mi rơi moóc);

- e) Tẩy xóa hoặc sửa chữa Giấy đăng ký xe, hồ sơ đăng ký xe, Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm



định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc các loại giấy tờ khác về phương tiện nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng xe có tay lái bên phải mà không được phép; xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông;

c) Tự ý đục lại số khung; số máy nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Tự ý thay đổi tổng thành khung; tổng thành máy; tự ý cải tạo kết cấu, hình dáng, kích thước, màu sơn của xe không đúng thiết kế của nhà chế tạo hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tự ý thay đổi tính năng sử dụng của xe.

6. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển các loại xe có kết cấu tương tự xe ô tô, máy kéo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không có đủ đèn chiếu sáng hoặc có nhưng không có tác dụng;

b) Không có còi hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn về âm lượng;

c) Không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

7. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển các loại xe có kết cấu tương tự xe ô tô, máy kéo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không có đủ hệ thống hãm hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;

b) Hệ thống chuyển hướng không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.

8. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển các loại xe có kết cấu tương tự xe ô tô, máy kéo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không có giấy đăng ký theo quy định, không có biển số hoặc biển số không đúng với Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có quy định phải đăng ký, lắp biển số);

b) Không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (nếu có quy định phải kiểm định).

9. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển loại xe tự sản xuất, lắp ráp.

10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự vi phạm còn buộc phải áp dụng các biện pháp bổ sung và các biện pháp khác sau đây: có hành vi vi phạm khoản 2 Điều này buộc phải lắp đầy đủ hoặc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; vi phạm điểm b khoản 4 Điều này còn bị thu hồi Giấy đăng ký xe; vi phạm điểm c khoản 4 Điều này bị tịch thu biển số; vi phạm khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 90 (chín mươi) ngày; bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe nếu vi phạm khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều này; vi phạm khoản 9 Điều này bị tịch thu xe, bị tước Giấy phép lái xe không thời hạn (nếu người vi phạm có).

**Điều 21.** Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe có kết cấu tương tự vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông.

1. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có còi, đèn chiếu sáng gần, xa; đèn soi biển số; đèn báo hãm; đèn tín hiệu, gương chiếu hậu hoặc có những thứ đó nhưng không có tác dụng;

b) Không gắn biển số; gắn biển số không đúng quy định; biển số mờ, biển số bị bể cong, biển số bị che lấp, biển số bị hỏng.

2. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật;



b) Không chuyển quyền sở hữu xe theo quy định;

c) Tự ý thay đổi nhãn hiệu của xe.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng còi ô tô hoặc còi vượt quá âm lượng quy định;

b) Không có bộ phận giảm thanh hoặc có nhưng không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

4. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có Giấy đăng ký xe theo quy định;

b) Sử dụng Giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Gắn biển số không đúng với số hoặc ký hiệu trong giấy đăng ký; biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tự ý đục lại số khung, số máy;

b) Tẩy xóa hoặc sửa chữa hoặc giả mạo hồ sơ đăng ký xe;

c) Tự ý thay đổi khung, máy, hình dáng, kích thước, màu sơn của xe;

d) Xe đăng ký tạm hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;

đ) Điều khiển xe tự sản xuất, lắp ráp.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự còn buộc phải áp dụng các biện pháp bổ sung và các biện pháp khác sau đây: vi phạm điểm a khoản 3 Điều này còn bị tịch thu còi; vi phạm điểm b khoản 4 Điều này bị tịch thu Giấy đăng ký xe; vi phạm điểm c khoản 4 Điều này bị tịch thu biển số; vi phạm điểm a, điểm c, điểm d khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 30 (ba mươi) ngày; vi phạm điểm c khoản 2, điểm c khoản 5 Điều này buộc phải khôi phục lại tình

trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; vi phạm điểm đ khoản 5 Điều này bị tịch thu xe, bị tước Giấy phép lái xe không thời hạn (nếu người vi phạm có); vi phạm khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 22.** Xử phạt người điều khiển xe thô sơ vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông.

1. Phạt tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng đối với hành vi không có đăng ký, không gắn biển số (nếu địa phương có quy định đăng ký và gắn biển số).

2. Phạt tiền từ 10.000 đồng đến 30.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng;

b) Xe thô sơ chở khách, chở hàng không bảo đảm tiêu chuẩn về tiện nghi và vệ sinh theo quy định của địa phương.

**Điều 23.** Xử phạt người điều khiển xe máy chuyên dùng vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi không có đèn chiếu sáng; không có bộ phận giảm thanh theo thiết kế.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có đăng ký; không gắn biển số đúng vị trí quy định; gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Hệ thống hãm hoặc hệ thống chuyển hướng không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;

c) Các bộ phận chuyên dùng không được lắp đặt đúng vị trí; không bảo đảm chắc chắn khi di chuyển;

d) Hoạt động không đúng phạm vi quy định;

đ) Không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc có nhưng đã hết hạn.



3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe máy chuyên dùng tự sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm khoản 3 Điều này buộc phải đình chỉ hoạt động.

**Điều 24.** Xử phạt người điều khiển xe ô tô vi phạm quy định về bảo vệ môi trường khi tham gia giao thông.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe bản đi vào thành phố, thị xã.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi thải khói quá giới hạn, mùi hôi thối vào không khí.

3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi thải dầu nhờn, hóa chất độc hại xuống đường bộ.

4. Ngoài việc bị phạt tiền người vi phạm khoản 1, khoản 3 Điều này còn buộc phải khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra.

#### Chương V

### XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 25.** Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người lái xe cơ giới.

1. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe gắn máy, xe mô tô.

2. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm<sup>3</sup> trở lên;

b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe; không mang

theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;

c) Người điều khiển xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe.

3. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không có Giấy phép lái xe;

b) Sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;

c) Không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

4. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô không mang theo Giấy đăng ký xe, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; không mang Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

5. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe có kết cấu tương tự.

6. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe có kết cấu tương tự.

7. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người từ đủ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi điều khiển xe ô tô, máy kéo có trọng tải từ 3.500 kg trở lên; xe taxi khách; xe ô tô chở người từ 10 chỗ ngồi trở lên;

b) Người từ đủ 18 tuổi đến dưới 25 tuổi điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi;

c) Người trên 55 tuổi đối với nam hoặc người trên 50 tuổi đối với nữ điều khiển xe ô tô chở người trên 30 chỗ ngồi;

d) Người điều khiển xe ô tô có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn; có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển;



không có Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực.

8. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:

- a) Không có Giấy phép lái xe;
- b) Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp; Giấy phép lái xe bị tẩy xóa.

9. Ngoài bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp bổ sung và biện pháp khác sau đây: vi phạm khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 5, điểm a, điểm b, điểm c khoản 7, vi phạm điểm a khoản 3 Điều này bị tạm giữ xe 15 (mười lăm) ngày; vi phạm điểm b khoản 3 Điều này bị tịch thu Giấy phép lái xe và tạm giữ xe 15 (mười lăm) ngày; vi phạm điểm a, điểm b, điểm c khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 30 (ba mươi) ngày; vi phạm khoản 4, khoản 7 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe; vi phạm khoản 8 Điều này bị tạm giữ xe 30 (ba mươi) ngày và bị tịch thu Giấy phép lái xe (nếu có).

**Điều 26.** Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe máy chuyên dùng.

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe máy chuyên dùng không đúng độ tuổi, không phù hợp với ngành nghề theo quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe máy chuyên dùng không có bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

**Điều 27.** Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, sát hạch lái xe.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với giáo viên dạy thực hành có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Để học viên không có giấy phép tập lái lái xe tập lái;
- b) Chở người, hàng trên xe tập lái trái quy định;

c) Chạy sai tuyến đường, thời gian quy định trong giấy phép tập lái.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không bố trí giáo viên dạy thực hành ngồi bên cạnh người tập lái xe;
- b) Xe không có biển "Tập lái" theo quy định;
- c) Xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo lái xe, trung tâm sát hạch lái xe có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Cơ sở đào tạo lái xe không có giấy phép hoạt động; không có đủ điều kiện theo quy định; không thực hiện đúng nội dung, chương trình đào tạo;
- b) Trung tâm sát hạch lái xe không đủ điều kiện hoạt động.

4. Ngoài việc bị phạt tiền cơ sở đào tạo lái xe vi phạm điểm a khoản 3 và trung tâm sát hạch lái xe vi phạm điểm b khoản 3 Điều này còn bị buộc đình chỉ hoạt động và tước quyền sử dụng giấy phép.

## Chương VI

### XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH CÁC HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ

**Điều 28.** Xử phạt người điều khiển xe ô tô khách.

1. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với hành vi không hướng dẫn khách ngồi trong xe đúng nơi quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Không đóng cửa lên xuống khi xe đang chạy;



b) Để khách ngồi trên xe khi xe lên, xuống phà, cầu phao hoặc khi xe đang ở trên phà, trừ người già yếu, người bệnh, người tàn tật;

c) Sắp xếp chằng buộc hành lý, hàng không bảo đảm an toàn; để rơi hàng trên xe xuống đường.

3. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đón, trả khách không đúng nơi quy định;

b) Để khách lên, xuống xe khi xe đang chạy;

c) Đón, trả khách tại nơi cấm dừng, cấm đỗ, nơi đường cong tầm nhìn bị che khuất.

4. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không chạy đúng tuyến, lịch trình, hành trình vận tải quy định;

b) Để người ngồi trên mui hoặc đu bám ở cửa xe, bên ngoài thành xe khi xe đang chạy;

c) Sang khách, nhượng khách dọc đường cho xe khác mà không được khách đồng ý;

d) Xuống khách để trốn tránh sự kiểm tra, kiểm soát của người có thẩm quyền;

đ) Chở khách quá 1 người đối với xe 4 chỗ ngồi; chở quá 2 người đối với xe 9 chỗ ngồi; chở quá 3 người đối với xe trên 9 chỗ ngồi; chở quá 4 người đối với xe từ 30 chỗ ngồi trở lên;

e) Chở hàng vượt quá trọng tải theo thiết kế của xe hoặc quá kích thước bao ngoài của xe; để hàng trong khoang chở khách;

g) Vận chuyển hàng có mùi hôi thối, súc vật hoặc hàng có ảnh hưởng tới sức khỏe của khách;

h) Xếp hàng trên mui xe khách làm lệch xe;

i) Xe vận chuyển khách hợp đồng không có biển "Xe hợp đồng";

k) Vận chuyển khách theo tuyến cố định không có sổ nhật trình chạy xe.

5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng độc hại, dễ cháy, dễ nổ trên xe khách.

6. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp bổ sung và các biện pháp khác sau đây: vi phạm điểm đ khoản 4 Điều này còn phải bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 30 (ba mươi) ngày; vi phạm khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 90 (chín mươi) ngày; vi phạm khoản 4, khoản 5 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 29. Xử phạt người điều khiển xe ô tô tải.**

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với hành vi chở hàng rời, chất phế thải dễ rơi vãi mà không có mui, bạt che đầy hoặc có mui, bạt che đầy nhưng vẫn để rơi vãi.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng trên xe phải chằng buộc mà không được chằng buộc chắc chắn; xếp hàng trên nóc buồng lái; xếp hàng làm lệch xe.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chở hàng vượt quá trọng tải thiết kế hoặc quá kích thước giới hạn cho phép của xe;

b) Chở người trên thùng xe trái quy định.

4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chở hàng trái pháp luật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm các quy định ở Điều này còn bị áp dụng các biện pháp bổ sung và các biện pháp khác sau:

a) Vi phạm khoản 1 Điều này phải khắc phục ngay hậu quả do hành vi vi phạm gây ra;

b) Vi phạm điểm b khoản 3, khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày; vi phạm khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 30. Xử phạt người điều khiển xe ô tô có các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.**



1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chở hàng siêu trường, siêu trọng không thực hiện đúng quy định trong giấy lưu hành; không có báo hiệu kích thước của hàng.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chở hàng siêu trường, siêu trọng không có giấy lưu hành theo quy định.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 31.** Xử phạt người điều khiển xe ô tô có các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm mà dừng xe, đỗ xe ở nơi đông người, khu dân cư, công trình quan trọng hoặc nơi dễ xảy ra nguy hiểm.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vận chuyển hàng nguy hiểm không có giấy phép hoặc có nhưng không thực hiện đúng quy định trong giấy phép.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 32.** Xử phạt người điều khiển xe buýt, xe vệ sinh, xe chở phế thải, vật liệu rời và xe chở hàng khác có các hành vi vi phạm quy định về hoạt động vận tải trong đô thị.

Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe buýt không chạy đúng tuyến đường, không đúng lịch trình; dừng xe, đỗ xe không đúng nơi quy định; tranh giành khách; không đưa vé cho khách, thu tiền vé cao hơn quy định; người điều khiển xe vệ sinh công cộng, xe ô tô chở phế thải, vật liệu rời và xe chở hàng khác không chạy đúng tuyến, phạm vi thời gian quy định.

**Điều 33.** Xử phạt người điều khiển xe taxi.

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng

đối với người điều khiển xe taxi vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng loại xe trên 9 chỗ ngồi kể cả người lái làm xe taxi;

b) Xe không có hộp đèn taxi hoặc đồng hồ tính tiền theo quy định;

c) Màu sơn của xe, biểu trưng của doanh nghiệp, số điện thoại giao dịch ghi trên xe không đúng với đăng ký;

d) Không có chứng chỉ tập huấn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe taxi có hành vi tranh giành khách.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe chở khách theo hình thức taxi mà không có đăng ký kinh doanh taxi.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người vi phạm còn buộc phải áp dụng các biện pháp bổ sung và các biện pháp khác sau đây: vi phạm khoản 3 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe 30 (ba mươi) ngày; vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

## Chương VII

### XỬ PHẠT CÁC VI PHẠM KHÁC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 34.** Xử phạt người sản xuất, người bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi bán biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không phải là biển số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sản xuất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000



đồng đối với hành vi sản xuất biển số không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

3. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này buộc phải bị tịch thu biển số và đình chỉ hoạt động.

**Điều 35.** Xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định về điều kiện an toàn giao thông đường bộ.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành việc thu hồi Giấy đăng ký xe; biển số xe của xe ô tô, xe máy chuyên dùng và các loại xe có kết cấu tương tự theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi thuê, mượn linh kiện, phụ kiện của xe ô tô khi đi kiểm định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cải tạo các loại xe ô tô khác thành xe ô tô chở khách.

**Điều 36.** Xử phạt khách đi xe vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng đối với những khách đi xe có một trong các hành vi sau đây:

- a) Không chấp hành nội quy đi xe;
- b) Gây mất trật tự trên xe;
- c) Đe dọa đến tính mạng, sức khỏe hoặc xâm phạm tài sản của người khác đi xe nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Đu, bám vào thành xe; đứng, ngồi, nằm trên nóc xe; tự ý mở cửa xe hoặc có hành vi khác không bảo đảm an toàn khi xe đang chạy.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi mang hàng trái pháp luật trên xe khách nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 37.** Xử phạt người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của cầu, đường.

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi không chấp hành việc kiểm tra tải trọng xe khi có tín hiệu yêu cầu kiểm tra tải trọng xe.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi chở hàng với tổng trọng lượng của xe (gồm trọng lượng bản thân xe và trọng lượng hàng), tải trọng trục xe sau khi trừ sai số cho phép mà vượt quá tải trọng của cầu, đường từ 1 đến 2%.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện xe chở quá tải, quá khổ;
- b) Không có giấy lưu hành; giấy lưu hành quá hạn hoặc có nhưng không đi đúng tuyến đường, đoạn đường được phép;
- c) Chở hàng với tổng trọng lượng của xe (gồm trọng lượng bản thân xe và trọng lượng hàng), tải trọng trục xe sau khi trừ sai số cho phép mà vượt quá tải trọng của cầu, đường trên 2%;
- d) Chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường ghi trong giấy lưu hành.

4. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện hoặc chủ phương tiện có hành vi vi phạm quy định khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị buộc phải hạ tải ngay phần quá tải, dỡ phần quá khổ hoặc đình chỉ lưu hành; nếu gây hư hại cầu, đường phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra; vi phạm khoản 2, khoản 3 Điều này còn bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

**Điều 38.** Xử phạt người đua xe trái phép, cổ vũ đua xe trái phép.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a) Tụ tập để cổ vũ, kích động hành vi điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định, lạng lách, đánh võng, đuổi nhau trên đường hoặc đua xe trái phép;
- b) Đua xe đạp, đua xe xích lô, đua xe súc vật kéo, đua súc vật trái phép.



2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người cố vũ, kích động đua xe trái phép mà cản trở hoặc chống người thi hành công vụ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với người đua xe ô tô, mô tô, xe gắn máy trái phép mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người đua xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy mà chống người thi hành công vụ nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Tổ chức đua xe trái phép nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Ngoài bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe không thời hạn và tịch thu xe.

**Điều 39.** Xử phạt người vi phạm có hành vi cản trở hoặc đưa tiền cho người thi hành công vụ.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cản trở việc tiến hành kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ;

b) Đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người thi hành công vụ để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Ngoài việc bị phạt tiền, người có hành vi vi phạm ở điểm b khoản 1 Điều này còn bị tịch thu số tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.

**Điều 40.** Xử phạt người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ gần biển số nước ngoài vi phạm Hiệp định vận tải giữa Việt Nam với nước ngoài.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ gần biển số nước ngoài có một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định;

b) Hoạt động quá phạm vi được phép hoạt động;

c) Điều khiển phương tiện không có Giấy phép liên vận; không có phù hiệu liên vận theo quy định hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng;

d) Vận chuyển khách hoặc hàng không đúng với Hiệp định vận tải đường bộ, Nghị định thư đã ký kết hoặc xuất nhập cảnh không đúng cửa khẩu.

2. Ngoài việc bị phạt tiền người điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ gần biển số nước ngoài vi phạm điểm a, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này còn bị tái xuất phương tiện khỏi Việt Nam; vi phạm khoản 1 Điều này bị đánh dấu số lần vi phạm trên Giấy phép lái xe.

### Chương VIII

## THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC HÀNH VI VI PHẠM VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

**Điều 41.** Xác định thẩm quyền xử phạt hành chính.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định của Nghị định này trong phạm vi quản lý của địa phương mình.

2. Lực lượng Cảnh sát giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ và trật tự, an toàn giao thông đô thị đối với người và phương tiện tham gia giao thông trên đường bộ được quy định trong Nghị định này.

3. Lực lượng Cảnh sát trật tự, Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Điểm e khoản 2; điểm g, điểm h khoản 3; điểm k khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 9;



b) Điểm g, điểm l khoản 2; điểm b khoản 5; khoản 8; khoản 9 Điều 10;

c) Điểm g khoản 1; điểm e, điểm g khoản 2, điểm đ khoản 4 Điều 11;

d) Điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 12;

đ) Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 13;

e) Điều 14;

g) Điểm e, điểm g khoản 1; điểm a, điểm d khoản 3 Điều 15;

h) Điều 22;

i) Điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 36;

k) Điều 38; Điều 39.

4. Lực lượng Thanh tra giao thông đường bộ có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm của người và phương tiện tham gia giao thông tại các điểm giao thông tĩnh quy định tại các điểm, khoản, điều của Nghị định này như sau:

a) Điểm a, điểm g, điểm h, điểm o khoản 3, điểm b khoản 6 Điều 9;

b) Điểm g, điểm q khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 10;

c) Điểm e, điểm g khoản 1, điểm a, điểm e, điểm h khoản 2 Điều 11;

d) Điểm c, điểm e, điểm g khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 12;

đ) Điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2; điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản 3 Điều 15;

e) Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; điểm a, điểm đ khoản 4, điểm b khoản 5, điểm b khoản 8 Điều 20; Điều 23; điểm d khoản 7, khoản 8 Điều 25; Điều 26; Điều 27;

g) Khoản 1; điểm b, điểm c khoản 2; điểm a, điểm c khoản 3; điểm a, điểm i, điểm e, điểm h, điểm k khoản 4 Điều 28; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 29.

h) Điều 30; Điều 32; Điều 33; Điều 37.

**Điều 42.** Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

**Điều 43.** Thẩm quyền xử phạt của công an nhân dân.

1. Chiến sĩ công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:



a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000 đồng.

2. Đội trưởng, trạm trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng.

3. Trưởng công an cấp xã được áp dụng các hình thức xử lý vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 42 của Nghị định này.

4. Trưởng công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

5. Trưởng phòng cảnh sát giao thông, Trưởng phòng cảnh sát trật tự, Trưởng phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng đơn vị đặc nhiệm, Thủ trưởng đơn vị cảnh sát cơ động cấp đại đội trở lên hoạt động có tính chất độc lập có thẩm quyền xử phạt như Trưởng công an cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 4 Điều này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ và đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 4 Điều này.

**Điều 44.** Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra giao thông đường bộ.

1. Thanh tra viên giao thông đường bộ đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 200.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Chánh Thanh tra giao thông đường bộ cấp Sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

3. Chánh Thanh tra giao thông đường bộ cấp Bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền;



d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

**Điều 45. Thu, nộp tiền phạt.**

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính về giao thông đường bộ bị phạt tiền thì phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật.

2. Việc thu, nộp tiền xử phạt tuân theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 46. Trình tự, thủ tục xử phạt.**

Trình tự, thủ tục xử phạt phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 47. Chấp hành quyết định xử phạt hành chính.**

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày được giao quyết định xử phạt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Quá thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều này mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành.

**Điều 48. Cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.**

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp sau đây:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng;

b) Kê biên phần tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Các biện pháp cưỡng chế khác để thực hiện tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính, buộc khôi phục lại tình trạng

ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép.

2. Cá nhân, tổ chức nhận được quyết định cưỡng chế phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định cưỡng chế.

3. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí về việc tổ chức thực hiện các biện pháp cưỡng chế.

4. Việc cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này phải được thông báo bằng văn bản trước khi thi hành cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện việc cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

5. Các cơ quan chức năng của Ủy ban nhân dân có trách nhiệm thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

6. Lực lượng cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc quyết định cưỡng chế của các cơ quan khác của Nhà nước khi được các cơ quan đó yêu cầu.

**Điều 49. Khiếu nại, tố cáo.**

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Công dân có quyền tố cáo những vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân và những vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt hành chính với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Chương IX*

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 50. Hiệu lực thi hành.**

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Nghị định số 39/2001/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2001 của



Chính phủ quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị; bãi bỏ Điều 39, Điều 40 của Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông đối với công trình giao thông đường bộ.

**Điều 51. Tổ chức thực hiện.**

Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Bộ trưởng Bộ Tài chính tổ chức thực hiện Nghị định này.

**Điều 52. Trách nhiệm thi hành.**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 16/2003/  
NĐ-CP ngày 20/02/2003 về việc  
thành lập thị trấn thuộc các huyện  
Tân Yên và Việt Yên, tỉnh Bắc  
Giang.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh địa giới hành chính để

thành lập thị trấn thuộc các huyện Tân Yên và Việt Yên, tỉnh Bắc Giang như sau:

**1. Thành lập thị trấn Nhã Nam thuộc huyện Tân Yên** trên cơ sở 63,96 ha diện tích tự nhiên và 3.363 nhân khẩu của xã Nhã Nam; 63,20 ha diện tích tự nhiên và 620 nhân khẩu của xã An Dương.

Thị trấn Nhã Nam có 127,16 ha diện tích tự nhiên và 3.983 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Nhã Nam: Đông giáp xã Tân Trung; Tây giáp các xã Nhã Nam, An Dương; Nam giáp các xã An Dương, Liên Sơn; Bắc giáp xã Nhã Nam.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập thị trấn Nhã Nam:

- Xã Nhã Nam còn lại 350,45 ha diện tích tự nhiên và 3.847 nhân khẩu.

- Xã An Dương còn lại 1.151,37 ha diện tích tự nhiên và 6.546 nhân khẩu.

**2. Thành lập thị trấn Nénh thuộc huyện Việt Yên** trên cơ sở 348,58 ha diện tích tự nhiên và 4.271 nhân khẩu của xã Hoàng Ninh; 211,97 ha diện tích tự nhiên và 2.861 nhân khẩu của xã Quảng Minh.

Thị trấn Nénh có 560,55 ha diện tích tự nhiên và 7.132 nhân khẩu.

Địa giới hành chính thị trấn Nénh: Đông giáp các xã Hoàng Ninh, Văn Trung; Tây giáp các xã Quảng Minh, Ninh Sơn; Nam giáp xã Quang Châu; Bắc giáp xã Hoàng Ninh.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính thành lập thị trấn Nénh:

- Xã Hoàng Ninh còn lại 680,83 ha diện tích tự nhiên và 8.690 nhân khẩu.

- Xã Quảng Minh còn lại 550,30 ha diện tích tự nhiên và 9.007 nhân khẩu.

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Mọi quy định trước đây trái Nghị định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc